

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26-6-2019
V/v: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Hào
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hiền
2. Ông Thái Khắc Thân
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: ông Đặng Quang Nam - Kiểm sát viên.

Vào ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 12/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1983 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tiến trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn Đ sau một thời gian tìm hiểu, đã tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 05 tháng 02 năm 2013. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc khoảng 4 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo bà T, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống, ông Phạm Văn Đ gia trưởng, nhiều lần đánh đập bà, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã. Mặc dù đã nhiều lần tìm cách giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng

nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng bà và ông Đ ly thân vào cuối năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian này bà không có ý định hàn gắn hôn nhân với ông Đ.

Bà xác định tình cảm vợ chồng với ông Phạm Văn Đ đã không còn nên bà đã làm đơn khởi kiện để yêu cầu những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ

Về con chung: Bà T và ông Đ có 1 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2013. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 7 tháng 6 năm 2019 và quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn ông Phạm Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T sau một thời gian tìm hiểu, đã tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 05 tháng 02 năm 2013. Vợ chồng ông chung sống hạnh phúc khoảng 4 tháng đầu thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo ông Đ, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thỏa thuận được việc nuôi con. Bà T không chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng ông và bà T ly thân vào cuối năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian này ông Đ và bà T không ai quan tâm ai. Ông Đ xác nhận có lỗi khi đánh bà T nhưng do bà T cũng có những lời nói và hành động không đúng trước.

Ông xác định tình cảm vợ chồng với bà Nguyễn Thị T đã không còn nên qua yêu cầu ly hôn của bà T ông có ý kiến sau:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị T

Về con chung: Bà T và ông Đ có 1 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2013. Khi ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Luật tố tụng dân sự, cụ thể: thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Quá trình bày của đương sự, cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T; theo đó, bà T được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 29 tháng 01

năm 2013 cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi con cho đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T thì Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; bị đơn ông Phạm Văn Đ có địa chỉ tại thị xã P; nay có tranh chấp nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ sau một thời gian tìm hiểu, đã tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 05 tháng 02 năm 2013 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà T và ông Đ phát sinh mâu thuẫn là có thật, qua lời trình bày của bà T cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cách sống, ông Phạm Văn Đ gia trưởng, nhiều lần đánh đập bà, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã. Còn ông Đ thì cho rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không thỏa thuận được việc nuôi con. Bà T không chăm lo cho gia đình. Qua đó có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa, bà T và ông Đ đều thuận tình ly hôn.

Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T và ông Đ.

[2.2] Về con chung: bà T và ông Đ có 1 con chung là cháu Phạm Gia H, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2013. Ông Đ làm công nhân theo ca kíp nên không chủ động được thời gian đưa đón con đi học và chăm sóc con. Bà T là nhân viên văn phòng của Công ty TNHH B, mức lương khoảng 7.000.000 đồng đủ trang trải cuộc sống hai mẹ con. Hơn nữa cháu H còn nhỏ nên để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu sau khi bố mẹ ly hôn nghĩ nên giao cháu Phạm Gia H, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2013 cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi con cho đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: bà T, ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng.
Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 210, Điều 211, Điều 211; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”;

1. *Về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung:* Buộc ông Phạm Văn Đ giao cho bà Nguyễn Thị T cháu Phạm Gia H, sinh ngày 29 tháng 01 năm 2013 để bà T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phạm Văn Đ được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông Đ thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0006766 ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ; bà T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (người vắng mặt cũng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Mỹ Xuân;
- UBND xã Đức Liên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Đức Hào